

Số: **17394**/BTC-PTHT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2025

V/v Thực hiện chế độ báo cáo
nhances theo tuần tình hình phân bổ
và giải ngân vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước năm
2025 – lũy kế đến hết ngày
06/11/2025

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công điện số 169/CĐ-TTg ngày 21/9/2025 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, văn bản số 570/TB-VPCP ngày 22/10/2025 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo của Thường trực Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc thúc đẩy đầu tư công năm 2025 (lần thứ 4), Bộ Tài chính báo cáo nhanh tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) - lũy kế đến hết ngày 06/11/2025 như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025

1.1. Tổng kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao¹ là **902.061** tỷ đồng (bao gồm: vốn NSTW là 426.333,7 tỷ đồng và vốn NSDP là 475.727,3 tỷ đồng). Trong đó:

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm là **825.922,3 tỷ đồng** (bao gồm: vốn NSTW là 350.195 tỷ đồng² và vốn NSDP là 475.727 tỷ đồng).

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2025 được giao bổ sung là **76.138,8³** tỷ đồng. Trong đó: 2.498,3 tỷ đồng vốn CTMTQG; 73.640,5 tỷ đồng⁴ từ nguồn tăng thu NSTW năm 2021, 2022, 2024.

¹ Tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024; số 154/QĐ-TTg ngày 04/12/2024; số 1148/QĐ-TTg ngày 13/06/2025; số 1411/QĐ-TTg ngày 29/6/2025; số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025; số 134/QĐ-TTg ngày 19/7/2025; số 1839/QĐ-TTg ngày 26/8/2025; số 170/QĐ-TTg ngày 28/8/2025; số 185/QĐ-TTg ngày 17/9/2025; số 2137/QĐ-TTg ngày 26/9/2025; số 2173/QĐ-TTg ngày 05/10/2025. số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025; số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025; số 210/QĐ-TTg ngày 16/10/2025; số 215/QĐ-TTg ngày 22/10/2025.

² Bao gồm: 266.968 tỷ đồng từ nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; 58.638,1 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2021, 2022, 2023.

³ So với thời điểm báo cáo tuần trước, tăng thêm 4.042 tỷ đồng mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024 để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

⁴ Bao gồm: 1.201 tỷ đồng tăng thu NSTW năm 2021; 1.926,9 tỷ đồng tăng thu NSTW năm 2022; 70.512,6 tỷ đồng tăng thu NSTW năm 2024.

1.2. Kế hoạch vốn cân đối NSDP năm 2025 các địa phương giao tăng so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (theo số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo) là **161.451,3 tỷ đồng.**

Như vậy, tổng kế hoạch giao năm 2025 đến thời điểm báo cáo (kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, kế hoạch vốn cân đối địa phương giao tăng) là **1.063.512,3** tỷ đồng.

1.3. Kế hoạch phân bổ:

a) Tổng số vốn đã phân bổ là **1.038.994,4** tỷ đồng (bao gồm NSTW là 401.908,7 tỷ đồng, NSDP là 637.085,8 tỷ đồng). Nếu không tính kế hoạch vốn cân đối NSDP các địa phương giao tăng, tổng số vốn đã phân bổ là **877.543,2** tỷ đồng, đạt **97,3%** kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ đã giao.

b) Chưa thực hiện phân bổ chi tiết là **24.510,8** tỷ đồng, chiếm **2,7%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể:

(1) **24.425,1** tỷ đồng vốn NSTW. Trong đó:

+ **22.438,1** tỷ đồng mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ nguồn tăng thu NSTW hàng năm và điều chỉnh từ các bộ, địa phương giải ngân thấp sang các bộ, địa phương có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ theo Quyết định số 2273/QĐ-TTg ngày 16/10/2025 (chiếm **91,9%** vốn NSTW chưa phân bổ);

+ **1.987** tỷ đồng vốn giao từ đầu năm chưa phân bổ, do: (i) vốn CTMTQG đã bố trí đủ theo quy mô, đối tượng được phê duyệt, một số địa phương đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục và cần rà soát kỹ đối tượng để phân bổ chi tiết; (ii) dự án ODA chưa ký Hiệp định vay hoặc đang chờ gia hạn Hiệp định; (iii) các dự án đã hoàn thành, đã bố trí đủ tổng mức đầu tư, không còn nhu cầu sử dụng, đang đề xuất điều chỉnh giảm.

(2) **92,758** tỷ đồng vốn NSDP của Cần Thơ do chưa đủ thủ tục đầu tư.

2. Về giải ngân vốn kế hoạch năm 2025:

2.1. Số giải ngân thực tế từ đầu năm đến hết ngày **30/10/2025** là **476.697,4** tỷ đồng, đạt **52,8%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tính đến thời điểm báo cáo tuần trước (**902.057** tỷ đồng).

2.2. Số giải ngân thực tế từ đầu năm đến hết ngày **06/11/2025** là **495.460,4** tỷ đồng, đạt **54,9%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tính đến thời điểm báo cáo (**902.061** tỷ đồng) (**tăng 18.763** tỷ đồng so với tuần trước).

Kết quả tính đến hết ngày **06/11/2025**, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, có **08** bộ, cơ quan trung ương và **14** địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt từ mức bình quân chung cả nước, bao gồm: Ngân hàng Phát triển; Ngân hàng

Chính sách xã hội; Văn phòng Trung ương Đảng; Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Ngân hàng Nhà nước; Hà Tĩnh; Ninh Bình; Thanh Hóa; Lào Cai; Thái Nguyên; Bắc Ninh; Phú Thọ; Tây Ninh; Thành phố Hải Phòng; Gia Lai; Đồng Tháp; Thành phố Huế; Thành phố Hồ Chí Minh; Thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, vẫn còn 29 bộ, cơ quan trung ương và 17 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới bình quân chung cả nước; bao gồm: Hội Nông dân Việt Nam; Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam; Văn phòng Chính phủ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Bộ Ngoại giao; Bộ Y tế; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tòa án nhân dân tối cao; Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Thanh tra Chính phủ; Thông tấn xã Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp; Bộ Xây dựng; Đài Truyền hình Việt Nam; Kiểm toán Nhà nước; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Lai Châu; Lâm Đồng; Tuyên Quang; Cần Thơ; Cao Bằng; Đắk Lắk; Sơn La; Quảng Trị; Vĩnh Long; Khánh Hòa; An Giang; Thành phố Đà Nẵng; Cà Mau; Quảng Ninh; Quảng Ngãi, Hưng Yên; Lạng Sơn.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐTCP (để đăng tải);
- Các đơn vị: NSNN, KTN, KTĐP, ĐCTC, VI, KBNN, QLN, KHTC;
- Cục CNTT (để đăng tải Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Lưu: VT; PHTT (4b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG**



Đỗ Thành Trung

Phụ lục

LŨY KẾ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐẾN HẾT NGÀY 06/11/2025
(SẮP XẾP TỪ CAO ĐẾN THẤP)

(Kèm theo công văn số: ~~17394~~ /BTC-PTHT ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch thu tương chính phủ giao	Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến ngày 06/11/2025		Ghi chú
			Số vốn	Tỷ lệ so với kế hoạch TTCP giao	
1	2	3	4	5=4/3	6
	TỔNG SỐ (A)+(B) (I)+(II)	902.061.036	495.460.402	54,93%	
I	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	204.699.899	96.638.152	47,2%	
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	5.030.000	5.030.000	100,0%	
2	Ngân hàng Chính sách xã hội	5.875.100	5.583.600	95,0%	
3	Văn phòng Trung ương Đảng	900.755	810.727	90,0%	
4	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	144.104	124.823	86,6%	
5	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.526.160	1.996.759	79,0%	
6	Đài Tiếng nói Việt Nam	101.747	76.842	75,5%	
7	Bộ Quốc phòng	39.562.390	25.039.010	63,3%	
8	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	164.800	98.842	60,0%	
9	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	4.000.000	2.119.006	53,0%	
10	Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	195.764	102.755	52,5%	
11	Kiểm toán Nhà nước	6.367	3.251	51,1%	
12	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	275.050	134.038	48,7%	
13	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	20.799.817	9.110.378	43,8%	
14	Bộ Xây dựng	82.032.724	35.763.201	43,6%	
15	Đài Truyền hình Việt Nam	191.530	82.182	42,9%	
16	Bộ Tư pháp	833.158	346.714	41,6%	
17	Bộ Tài chính	1.421.299	554.704	39,0%	
18	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	2.201.495	794.579	36,1%	
19	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2.085.893	711.751	34,1%	
20	Thanh tra Chính phủ	2.611	862	33,0%	
21	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	706.337	231.887	32,8%	
22	Đại học Quốc gia Hà Nội	1.499.936	476.330	31,8%	
23	Bộ Nội vụ	100.822	31.658	31,4%	
24	Liên minh hợp tác xã Việt Nam	107.016	32.754	30,6%	
25	Toà án nhân dân tối cao	1.220.999	344.949	28,3%	
26	Bộ Công an	16.747.759	4.548.918	27,2%	Từ cuối tháng 7/2025 đến nay, Bộ Công an được giao bổ sung lượng kế hoạch vốn lớn là 12.643,32 tỷ đồng từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024 (gấp 3 lần số kế hoạch giao đầu năm).
27	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	216.868	57.989	26,7%	
28	Bộ Giáo dục và Đào tạo	3.272.131	874.797	26,7%	
29	Thông tấn xã Việt Nam	87.880	21.811	24,8%	
30	Bộ Khoa học và Công nghệ	182.229	42.370	23,3%	
31	Bộ Công thương	423.506	84.485	19,9%	
32	Bộ Ngoại giao	508.883	90.827	17,8%	
33	Bộ Y tế	7.242.270	952.652	13,2%	
34	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2.437.277	300.457	12,3%	
35	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	374.132	25.357	6,8%	
36	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	907.470	36.659	4,0%	
37	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	171.084	225	0,1%	Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, tuy nhiên dự án phải dừng thực hiện theo ý kiến của Tổng Bí thư tại văn bản số 3752- CV/VPTWĐ/nb ngày 22/02/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng
38	Văn phòng Chủ tịch nước	14.990	0	0,0%	Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, đề xuất điều chỉnh giảm toàn bộ kế hoạch vốn do điều chuyển dự án sang Văn phòng Trung ương Đảng

STT	Bộ, cơ quan TW và địa phương	Kế hoạch thu tướng chính phủ giao	Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến ngày 06/11/2025		Ghi chú
			Số vốn	Tỷ lệ so với kế hoạch TTCP giao	
1	2	3	4	5=4/3	6
39	Văn phòng Quốc hội	9.558	0	0,0%	Kế hoạch năm 2025 chỉ có 01 dự án, đề xuất điều chỉnh giảm toàn bộ kế hoạch vốn do UBND tỉnh phê duyệt thay đổi mục tiêu đầu tư của dự án theo hướng thuê dịch vụ là chủ yếu, sử dụng vốn chi thường xuyên thay cho vốn đầu tư công
40	Văn phòng Chính phủ	74.933	0	0,0%	
41	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	29.360	0	0,0%	
42	Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam	13.695	0	0,0%	
II	ĐỊA PHƯƠNG	697.361.137	398.822.250	57,2%	
1	Tổng tỉnh Hà Tĩnh	4.735.346	5.570.709	117,6%	
2	Tổng tỉnh Ninh Bình	28.810.497	28.407.704	98,6%	
3	Tổng tỉnh Thanh Hóa	13.900.727	13.082.500	94,1%	
4	Tổng tỉnh Lào Cai	9.051.031	7.503.611	82,9%	
5	Tổng tỉnh Thái Nguyên	8.996.863	7.185.158	79,9%	
6	Tổng tỉnh Bắc Ninh	15.065.560	11.348.637	75,3%	
7	Tổng Thành phố Hải Phòng	35.893.200	26.354.994	73,4%	
8	Tổng tỉnh Phú Thọ	18.727.037	13.622.427	72,7%	
9	Tổng tỉnh Tây Ninh	15.905.813	11.068.945	69,6%	
10	Tổng tỉnh Gia Lai	15.063.773	10.127.731	67,2%	
11	Tổng tỉnh Đồng Tháp	14.064.741	8.645.160	61,5%	
12	Tổng Thành phố Hồ Chí Minh	120.303.310	68.235.849	56,7%	
13	Tổng Thành phố Huế	5.005.462	2.808.610	56,1%	
14	Tổng Thành phố Hà Nội	87.693.460	48.496.347	55,3%	
15	Tổng tỉnh Quảng Ninh	11.906.177	6.465.627	54,3%	
16	Tổng tỉnh Nghệ An	10.897.017	5.871.036	53,9%	Nếu không tính 681,46 tỷ đồng mới được giao bổ sung tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025, tỷ lệ giải ngân là 57,5%, cao hơn trung bình cả nước
17	Tổng tỉnh Hưng Yên	40.443.567	21.620.418	53,5%	
18	Tổng tỉnh Quảng Ngãi	8.183.889	4.351.555	53,2%	
19	Tổng tỉnh Điện Biên	3.814.413	2.012.493	52,8%	Nếu không tính 474,1 tỷ đồng mới được giao bổ sung tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025, tỷ lệ giải ngân là 60%, cao hơn trung bình cả nước
20	Tổng tỉnh Lạng Sơn	6.513.290	3.420.394	52,5%	
21	Tổng tỉnh Cà Mau	10.705.531	5.436.296	50,8%	
22	Tổng tỉnh An Giang	21.681.870	10.903.103	50,3%	
23	Tổng Thành phố Đà Nẵng	17.215.562	8.600.626	50,0%	
24	Tổng tỉnh Đồng Nai	31.926.914	14.360.913	45,0%	Nếu không tính số kế hoạch vốn của dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành được Quốc hội cho phép kéo dài thời gian giải ngân đến hết năm 2026 (Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024) là 8.036,5 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đạt 60,1%, cao hơn trung bình cả nước
25	Tổng tỉnh Khánh Hòa	16.087.128	7.199.893	44,8%	
26	Tổng tỉnh Sơn La	7.458.139	3.130.258	42,0%	
27	Tổng tỉnh Vĩnh Long	17.555.182	7.337.437	41,8%	
28	Tổng tỉnh Quảng Trị	12.454.639	5.188.810	41,7%	
29	Tổng tỉnh Đắk Lắk	14.554.730	5.964.222	41,0%	
30	Tổng tỉnh Cao Bằng	8.646.760	3.399.062	39,3%	
31	Tổng Thành phố Cần Thơ	28.958.933	10.576.429	36,5%	
32	Tổng tỉnh Tuyên Quang	11.956.233	3.856.329	32,3%	
33	Tổng tỉnh Lâm Đồng	19.044.565	5.672.239	29,8%	
34	Tổng tỉnh Lai Châu	4.139.778	986.730	23,8%	